

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp đê Bắc Phước, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 135/TTr-SNN ngày 14/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp đê Bắc Phước, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp đê Bắc Phước

2. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi Quảng Trị

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Khắc phục khẩn cấp đoạn kè bị sạt lở sau mùa mưa bão, trọng tâm là đợt bão lũ ở Quảng Trị từ ngày 17 tháng 9 đến ngày 17 tháng 11 năm 2020, nhằm đảm bảo nhiệm vụ bảo vệ đất sản xuất, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho người dân, các công trình hạ tầng nông nghiệp, tạo tuyến giao thông dân sinh, cải tạo cảnh quan môi trường, qua đó góp phần ổn định đời sống dân cư, phát triển kinh tế xã hội.

4. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế xây dựng:

4.1. Quy mô đầu tư: Gia cố mái bờ sông và phía đồng nhằm chống sạt lở do tác động của dòng chảy và mưa gió với tổng chiều dài $L = 190,55\text{m}$

4.2. Giải pháp thiết kế:

Gia cố mái bờ sông và phía đồng nhằm chống sạt lở do tác động của dòng chảy và mưa gió với tổng chiều dài $L = 190,55\text{m}$; Kết cấu đê như sau:

- Đoạn 1 có chiều dài $L_1=55,47\text{m}$ (đoạn từ $K7+84,3 \div K7+122,9$ và đoạn từ $K7+257,98 \div 274,85$): Gia cố chân bờ hữu sông Thạch Hãn bằng hình thức lăng thể đổ đá hộc $D \geq 30\text{cm}$. Cao trình đỉnh lăng thể $+0.5\text{m}$, mái ngoài lăng thể $m=1,75$; Xếp đá lát khan mặt ngoài lăng thể dày 25cm đoạn từ cao trình $+0,0\text{m}$ lên đến cao trình $+0.5\text{m}$ và phần đỉnh lăng thể tùy theo mặt cắt ngang (tính từ mép ngoài);

- Đoạn 2 có chiều dài $L_2=13,9\text{m}$ (đoạn từ $K7+122,9 \div K7+136,8$):

+ Mặt đê: Cao trình mặt đê $+1.7\text{m}$, chiều rộng $B=5\text{m}$ kết cấu bằng bê tông M250 dầm $D_{\text{max}}=4\text{cm}$ dày 20cm ; lót bằng lớp bạt gai chống mất nước và lớp đất C3 dày 30cm , $K \geq 0.95$; phía trong bờ sông và phía đồng là khóa đỉnh với kích thước (b×h)=(20×35)cm kết cấu bằng bê tông cốt thép (BTCT) bền sunfat M300 dầm $D_{\text{max}}=2\text{cm}$;

+ Thân đê: Hệ số mái đê $m = 2,0$; Mái đê phía sông được gia cố bằng tấm lát kích thước (B×L×H)=(40×40×12)cm; kết cấu bằng bê tông M200 dầm $D_{\text{max}}=2\text{cm}$, phía dưới lớp vải địa kỹ thuật và lớp cấp phối dầm $D_{\text{max}}=3,75\text{cm}$ được đặt trong hệ thống khung giằng; Cự 10,0m bố trí một đơn nguyên, giữa các đơn nguyên bố trí khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường hai lớp. Hệ khung giằng trong một đơn nguyên kết cấu bằng BTCT bền sunfat M300 dầm $D_{\text{max}}=2\text{cm}$, kích thước chân khay phía sông với (b×h)=(20×50)cm, kích thước khóa đỉnh (b×h)=(20×35)cm và 03 giằng ngang với kích thước (b×h)=(20×30)cm;

+ Chân kè: Gia cố chân mái bờ hữu sông Thạch Hãn bằng hình thức lăng thể đổ đá hộc $D \geq 30\text{cm}$. Cao trình đỉnh lăng thể $+0.5\text{m}$, mái ngoài lăng thể $m=1,75$; Xếp đá lát khan mặt ngoài lăng thể dày 25cm đoạn từ cao trình $+0,0\text{m}$ lên đến cao trình $+0.5\text{m}$ và phần đỉnh lăng thể $B=2\text{m}$ (tính cả rọ đá $B=1\text{m}$).

- Đoạn 3 có chiều dài $L_3=121,18\text{m}$ ($K7+136,8 \div K7+257,98$)m:

+ Mặt đê: Cao trình mặt đê $+1.7\text{m}$, chiều rộng $B=5\text{m}$ kết cấu bằng bê tông M250 dầm $D_{\text{max}}=4\text{cm}$ dày 20cm ; lót bằng lớp bạt gai chống mất nước và lớp đất C3 dày 30cm , $K \geq 0.95$; phía trong bờ sông và phía đồng là khóa đỉnh với kích thước (b×h)=(20×35)cm kết cấu bằng BTCT bền sunfat M300 dầm $D_{\text{max}}=2\text{cm}$;

+ Thân đê: Hệ số mái đê $m=2,0$; Mái đê phía sông và phía đồng được gia cố bằng tấm lát kích thước (B×L×H)=(40×40×12)cm; kết cấu bằng bê tông M200 dầm $D_{\text{max}}=2\text{cm}$, phía dưới lớp vải địa kỹ thuật và lớp cấp phối dầm $D_{\text{max}}=3,75\text{cm}$ được đặt trong hệ thống khung giằng; Cự 10,0m bố trí một đơn nguyên, giữa các đơn nguyên bố trí khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường hai lớp. Hệ khung giằng trong một đơn nguyên kết cấu bằng BTCT bền sunfat M300 dầm $D_{\text{max}}=2\text{cm}$, kích thước chân khay phía sông với (b×h)=(20×50)cm; chân khay phía đồng với (b×h)=(20×60)cm, kích thước khóa đỉnh (b×h)=(20×35)cm và 03 giằng ngang với kích thước (b×h)=(20×30)cm;

+ Chân kè: Gia cố chân mái bờ hữu sông Thạch Hãn bằng hình thức lăng thể đổ đá hộc $D \geq 30\text{cm}$. Cao trình đỉnh lăng thể $+0.5\text{m}$, mái ngoài lăng thể $m=1,75$; Xếp đá lát khan mặt ngoài lăng thể dày 25cm đoạn từ cao trình $+0,00\text{m}$ lên đến cao trình $+0.5\text{m}$ và phần đỉnh lăng thể $B=2\text{m}$ (tính cả rọ đá $B=1\text{m}$).

5. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Chi nhánh Công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Quảng Trị - Xí nghiệp tư vấn đầu tư và xây dựng

6. Địa điểm xây dựng: Xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

7. Diện tích sử dụng đất: Công trình xây dựng trên tuyến cũ hiện có, phạm vi bị ảnh hưởng do địa phương tự giải phóng mặt bằng

8. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn, công trình thủy lợi, cấp IV

9. Tổng dự toán xây dựng công trình: 3.000 triệu đồng (Ba tỷ đồng);
Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.482.424.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 56.112.000 đồng;
- Chi phí tư vấn: 243.078.000 đồng;
- Chi phí khác: 47.891.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 170.495.000 đồng.

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả mưa lũ năm 2020

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

12. Thời gian thực hiện: Năm 2021

13. Đơn vị quản lý, sử dụng: Giao UBND xã Triệu Phước chịu trách nhiệm quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình

Điều 2. Chủ đầu tư thực hiện công khai hóa thông tin đầy đủ theo quy định để phục vụ công tác giám sát đầu tư cộng đồng và có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi Cục trưởng Chi cục Thủy lợi; Chủ tịch UBND huyện Triệu Phong và Chủ tịch UBND xã Triệu Phước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

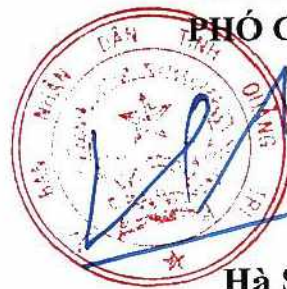
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NN. *TC*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng